

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày: 11/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Lê

2/ Bà Phan Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc Ng, sinh năm 1976; ĐKNKTT: Thôn T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; chỗ ở tạm trú: 178 Nguyễn Văn C, thành phố B, tỉnh L; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Kh (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); chồng Đỗ Tấn Th, sinh năm 1973; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 06/HSST ngày 26/5/2004 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 28/02/2018; có mặt.

*** Người bị hại:**

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1976 và bà Thái Thị S, sinh năm 1973; Trú ở: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; bà S có mặt, ông A vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Châu Hữu Th (thường gọi: B), sinh năm 1983; trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước nên khoảng 14 giờ ngày 26/7/2012 Lê Thị Ngọc Ng điều khiển xe mô tô (loại Cúp 81) biển số 78B-0016 đến nhà chị Thái Thị S, sinh năm 1973 ở thôn Đ, xã H, huyện P mục đích mượn tiền để trả nợ. Khi đến nhà chị S biết chị S không có tiền nên Ng nảy sinh ý định mượn xe mô tô của vợ chồng chị S đem đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. Ng nói dối với chị S là cho Ng mượn xe mô tô đi đám cưới ở tỉnh Gia Lai, hai ngày sau trả lại xe. Chị S tưởng thật nên giao xe mô tô AirBlade biển số 78E1-014.79 và Giấy đăng ký xe cho Ng. Sau khi nhận được xe, Ng điều khiển xe đến tiệm cầm đồ T ở thôn P, xã H gặp chủ tiệm là anh Châu Hữu Th, sinh năm 1983 cầm cố chiếc xe với giá 25.000.000đ. Đến ngày 28/7/2012 thấy Ng không đem xe trả, chị S điện thoại hỏi thì Ng nói dối là đã cho bạn mượn. Nghi ngờ Ng đem xe đi cầm cố nên vợ chồng chị S đến các tiệm cầm đồ để tìm xe thì phát hiện xe AirBlade biển số 78E1-014.79 ở trong tiệm cầm đồ T nên làm đơn báo cáo Công an huyện P. Trong giai đoạn truy tố Lê Thị Ngọc Ng bỏ trốn khỏi địa phương nên Viện kiểm sát nhân dân huyện P tạm đình chỉ vụ án. Ngày 28/02/2018 Ng bị bắt theo Quyết định truy nã.

Ngày 08/8/2012 Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Xe mô tô AirBlade biển số 78E1-014.79 trị giá 32.640.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Châu Hữu Th yêu cầu Lê Thị Ngọc Ng trả số tiền 27.000.000đ.

Vật chứng vụ án: Xe mô tô và Giấy đăng ký xe AirBlade biển số 78E1-014.79 đã trả chủ sở hữu.

Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên đã truy tố Lê Thị Ngọc Ng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị Ngọc Ng khai nhận diễn biến vụ án như nội dung Cáo trạng truy tố, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Chấp nhận trả lại cho anh Châu Hữu Th số tiền 27.000.000 đồng.

Người bị hại bà Thái Thị S khai đã nhận lại xe mô tô và Giấy đăng ký xe nhãn hiệu AirBlade biển số 78E1-014.79 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không giải quyết; về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Châu Hữu Th yêu cầu bị cáo Ng trả lại số tiền 27.000.000 đồng (trong đó có 2.000.000đ tiền lãi).

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/02/2018; về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A và bà Thái Thị S đã nhận lại xe và giấy đăng ký xe, không yêu cầu gì nên không xét; buộc bị cáo Lê Thị Ngọc Ng trả cho anh Châu Hữu Th 27.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và cho rằng Điều tra viên, Kiểm sát viên làm việc khách quan, ghi đúng lời khai của họ nên không yêu cầu Hội đồng xem xét, đánh giá.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Do có ý định từ trước nên Lê Thị Ngọc Ng đưa ra thông tin sai sự thật về mục đích mượn xe mô tô làm cho vợ chồng ông A bà S tưởng là thật nên đã giao Giấy đăng ký và xe mô tô hiệu nhãn hiệu AirBlade biển số 78E1-014.79 cho bị cáo sử dụng. Sau khi nhận được tài sản của vợ chồng ông A bà S thì Lê Thị Ngọc Ng đem xe đi cầm tại tiệm cầm đồ T lấy số tiền 25.000.000đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trong xã hội, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 26/5/2004 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 06/HSST) nhưng bị cáo không sửa đổi mà lại tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương trong thời gian dài, di chuyển đến nhiều địa phương khác nhau gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Nên cần phải quyết định mức hình

phạt nghiêm khắc, đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 quyết định hình phạt phù hợp, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Châu Hữu Th: Nhận cầm cố xe mô tô nhãn hiệu AirBlade biển số 78E1-014.79 không phải do Ng đứng tên chủ sở hữu, không có giấy ủy quyền của chủ sở hữu và anh Th không biết xe do Ng phạm tội mà có. Vì vậy, Công an huyện P căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ, ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Châu Hữu Th là đúng quy định pháp luật (anh Th đã chấp hành nộp phạt).

Về phần dân sự: Người bị hại vợ chồng ông A bà S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét; anh Châu Hữu Th yêu cầu bị cáo Ng trả lại số tiền 27.000.000đ (trong đó tiền lãi 2.000.000đ), bị cáo Ng đồng ý và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $27.000.000đ \times 5\% = 1.350.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng phải nộp 1.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc Ng **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/02/2018.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 608 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A và bà Thái Thị S đã nhận lại xe mô tô và Giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu AirBlade Biển số 78E1-014.79, không yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

Bị cáo Lê Thị Ngọc Ng phải trả cho anh Châu Hữu Th số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án , nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của

mình thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Ngọc Ng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Lê Thị Ngọc Ng phải nộp 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Người TGTT
- VKSND H.Phú Hòa;
- Công an H.Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đậu Thị Quy

